

Số/ No: 03186.2503/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.1135 2503

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.02736 2503

Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TESTING REPORT

- Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
- Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : NHÀ MÁY CẤP NƯỚC ĐÁ BÀNG
- Địa chỉ/ Address : Ấp Tân Hiệp, xã Long Tân, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Ngày lấy mẫu/ Date of receiving : 05/03/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 13/03/2025
- Người lấy mẫu/ Sampling staff : Huỳnh Ngọc Tuấn
- Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch
- Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu/ Sampling and preservation methods : SOP.02-059
- Vị trí lấy mẫu/ Location of sampling : NHÀ MÁY CẤP NƯỚC ĐÁ BÀNG NTN20

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCDP 01: 2022/BR-VT
1.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2 : 2021	0,60	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4.	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,02	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
6.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
7.	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653: 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú/ Notes: Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích nằm trong giới hạn cho phép theo QCDP 01:2022/BR-VT

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR


ThS. Nguyễn Văn Tâm



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office: No.39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktelviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 03187.2503/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.1135 2503

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.02737 2503

Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

1. Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
2. Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : NHÀ MÁY CẤP NƯỚC ĐÁ BÀNG
3. Địa chỉ/ Address : Ấp Tân Hiệp, xã Long Tân, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Ngày lấy mẫu/ Date of receiving : 05/03/2025
5. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 13/03/2025
6. Người lấy mẫu/ Sampling staff : Huỳnh Ngọc Tuấn
7. Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch
8. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu/ Sampling and preservation methods : SOP.02-059
9. Vị trí lấy mẫu/ Location of sampling : Cửa hàng xăng dầu Long Tân, ấp Tân Hoà, xã Long Tân, Huyện Đất Đỏ NTN21

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCDP 01: 2022/BR-VT
1.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2 : 2021	0,45	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4.	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	6,97	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
6.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
7.	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653: 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú/ Notes: Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích nằm trong giới hạn cho phép theo QCDP 01:2022/BR-VT
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department.

No. Document: QTCL-13/BM05

Version: 06

Date of issue: 18/10/2022

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE

Số/ No: 03188.2503/KQ-VTT
 Mã số/ Code: KH.1135 2503
 Mã số mẫu/ Sample code: PTN.02738 2503
 Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TESTING REPORT

- Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
- Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : NHÀ MÁY CẤP NƯỚC ĐÁ BÀNG
- Địa chỉ/ Address : Ấp Tân Hiệp, xã Long Tân, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Ngày lấy mẫu/ Date of receiving : 05/03/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 13/03/2025
- Người lấy mẫu/ Sampling staff : Huỳnh Ngọc Tuấn
- Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch
- Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu/ Sampling and preservation methods : SOP.02-059
- Vị trí lấy mẫu/ Location of sampling : Hộ dân Lê Duy An, ấp Bắc, xã Hoà Long, Thành phố Bà Rịa NTN22

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCDP 01: 2022/BR-VT
1.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2 : 2021	0,44	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4.	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,02	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
6.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
7.	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653: 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú/ Notes: Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích nằm trong giới hạn cho phép theo QCDP 01:2022/BR-VT
 Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
 Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
 Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
 LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
 (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
 (s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR


ThS. Nguyễn Văn Tâm



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office: No.39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 03189.2503/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.1135 2503
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.02739 2503
Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

1. Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
2. Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : NHÀ MÁY CẤP NƯỚC ĐÁ BÀNG
3. Địa chỉ/ Address : Ấp Tân Hiệp, xã Long Tân, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Ngày lấy mẫu/ Date of receiving : 05/03/2025
5. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 13/03/2025
6. Người lấy mẫu/ Sampling staff : Huỳnh Ngọc Tuấn
7. Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch
8. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu/ Sampling and preservation methods : SOP.02-059
9. Vị trí lấy mẫu/ Location of sampling : Tiệm trà sữa xí muối, ấp Nam, xã Hoà Long, Thành phố Bà Rịa NTN23

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCDP 01: 2022/BR-VT
1.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2 : 2021	0,37	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4.	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,11	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
6.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
7.	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653: 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú/ Notes: Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích nằm trong giới hạn cho phép theo QCDP 01:2022/BR-VT
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department.

No. Document: QTCL-13/BM05
Version: 06
Date of issue: 18/10/2022

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE